

ẢNH HƯỞNG CỦA HIỆN ĐẠI HÓA ĐÁNH BẮT HẢI SẢN ĐẾN VĂN HÓA NGƯ DÂN XÃ NGƯ LỘC, HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA¹

ThS. Phạm Thị Hà Xuyên

Viện Dân tộc học

Email: phamhaxuyen90@gmail.com

Tóm tắt: Hiện đại hóa đánh bắt hải sản diễn ra ở hầu hết các cộng đồng ven biển tại Việt Nam cũng như ngư dân ven biển xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Ở xã Ngư Lộc, quá trình này đã giúp cải tiến phương tiện và ngư cụ hiện đại, giảm sức lao động của ngư dân, giúp họ ra khơi đánh bắt và tiếp cận hệ thống giao thương mới. Song, hiện đại hóa cũng ảnh hưởng đến đời sống văn hóa của cộng đồng ngư dân nơi đây trên nhiều phương diện như thay đổi nhận thức về thế giới quan, giảm tính cố kết cộng đồng, làm mai một kỹ năng cũng như tri thức và phương pháp đánh bắt truyền thống. Vì thế, rất cần tổ chức nhiều cuộc tập huấn nâng cao ý thức ngư dân, phát hành cuốn cẩm nang đa diện về ngư nghiệp, phát triển du lịch văn hóa nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa tại địa phương.

Từ khóa: Hiện đại hóa, đánh bắt hải sản, ngư dân, văn hóa ngư dân, xã Ngư Lộc.

Abstract: Modernization of fishing is taking place in most coastal communities in Vietnam as well as in coastal fishermen in Ngu Loc commune, Hau Loc district, Thanh Hoa province to meet the increasing demands of society. In Ngu Loc commune, this process has helped improve modern fishing equipment and tools, reduce fishermen's labor, help them go out to sea to fish and access new trading systems. However, modernization also affects the cultural life of the fishing community here in many aspects such as changing the perception of the world view, reducing community cohesion, and causing the loss of skills, traditional knowledge and fishing methods. Therefore, it is necessary to organize many training sessions to raise fishermen's awareness, publish a multifaceted handbook on fishing, and develop cultural tourism to preserve and promote local culture.

Keyword: Modernization, fishing, fishermen, fishing culture, Ngu Loc commune.

Ngày nhận bài: 31/10/2024; ngày gửi phản biện: 5/11/2024; ngày duyệt đăng: 2/12/2024.

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Cơ sở năm 2024 “Đánh bắt hải sản hiện nay của ngư dân ở xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa” do ThS. Phạm Thị Hà Xuyên làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học quản lý.

Mở đầu

Đổi mới trong công nghệ đánh bắt thủy/hải sản như cải tiến tàu thuyền, ngư cụ, kỹ thuật dò tìm, đánh bắt, chế biến..., là vấn đề đáng lưu ý ở các quốc gia thu nhập trung bình và đang phát triển. Bởi quá trình này vừa thúc đẩy toàn cầu hóa ngành thủy sản vừa gây ra tình trạng cạn kiệt nguồn hải sản, trong khi các nước hiện vẫn đang thiếu các thể chế cần thiết để điều chỉnh những tác động của nó đến môi trường và thị trường (Squires và Vestergaard, 2013; Lorenzi và Chuenpagdee, 2020; Fujita và cộng sự, 2018, tr. 5). Đối với các cộng đồng ngư dân ở nước ta, hiện đại hóa và toàn cầu hóa không chỉ là bước chuyển biến về mặt kinh tế mà còn tác động không nhỏ đến văn hóa đánh bắt thủy/hải sản của ngư dân, cụ thể là thay đổi nhận thức, tri thức đánh bắt, cách chế biến sản phẩm... Quá trình hiện đại hóa đã thay đổi lối sống và phương thức sản xuất của ngư dân, ít nhiều tác động đến văn hóa của họ, song không thể phủ nhận việc am hiểu luật biển và bám biển để bảo vệ "ngư trường truyền thống" góp phần khẳng định chủ quyền lãnh hải của quốc gia (Nguyễn Duy Thiệu, 2002; Trần Thị An, 2017, tr. 49-50). Do đó, duy trì cân bằng giữa hiện đại hóa và bảo tồn văn hóa trong ngành thủy hải sản là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững của cộng đồng ngư dân trong tương lai.

Ngư dân ở xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã có truyền thống đánh bắt hải sản khoảng hơn 800 năm với nhiều vốn văn hóa biển đặc trưng, phong phú. Tuy vậy, trong quá trình hiện đại hóa ngư nghiệp, người dân ven biển nơi đây đang đối mặt với nhiều thách thức về biến đổi văn hóa. Vì thế, bài viết này tập trung làm rõ một số ảnh hưởng từ việc hiện đại hóa đánh bắt hải sản đến văn hóa của cộng đồng ngư dân nơi đây, qua đó đề xuất một số kiến nghị mang tính giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy vốn văn hóa tại địa phương. Để có tư liệu cho bài viết, khi điền dã tại xã Ngư Lộc, tác giả đã tiến hành phỏng vấn sâu những ngư dân từng tham gia đánh bắt hải sản trong giai đoạn sản xuất hợp tác xã (khoảng năm 1960 - 2000) để tìm hiểu về quá trình đánh bắt truyền thống và các yếu tố văn hóa liên quan, đồng thời phỏng vấn các ngư dân hiện tại, bao gồm những ngư dân đã chuyển đổi nghề và thành viên trong cộng đồng nhằm so sánh sự thay đổi nghề nghiệp và ảnh hưởng của việc hiện đại hóa đến văn hóa của họ. Bên cạnh đó, bài viết cũng sử dụng các nguồn tài liệu thứ cấp thu thập tại địa phương và những tài liệu sẵn có để biện giải cho một số luận điểm đặt ra.

1. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu và quá trình hiện đại hóa đánh bắt hải sản

Xã Ngư Lộc thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 0,47km², đến năm 2024 có khoảng 18.000 cư dân sinh sống. Đây là một xã ven biển với chiều dài bờ biển 4km, tiếp giáp Vịnh Bắc Bộ. Xã được hình thành từ khoảng thế kỷ XII với hai nghề chính là đánh cá và làm muối do hầu như không có đất làm nông nghiệp. Song, nghề làm muối nơi đây đã mai một và thất truyền từ lâu, do đó trước Đổi mới năm 1986 chỉ còn phát triển nghề đánh bắt cá, gần đây do tác động của kinh tế thị trường có xuất hiện thêm một số ngành nghề mới như xây dựng, thương mại, dịch vụ... Năm 1925, xã có khoảng 3.000 nhân khẩu, với 120 thuyền và 500 mảng,

nên được coi là trung tâm đánh cá biển với phương thức thủ công ở xứ Thanh cuối thế kỷ XX (Charles Robequain, 2012, tr. 422; Huyện ủy - UBND huyện Hậu Lộc, 1990, tr. 83).

Năm 2014, toàn xã Ngư Lộc có khoảng 2.812 hộ với 85% số hộ làm nghề đánh bắt, trung bình cứ 10 hộ có một tàu đánh bắt hải sản (Lê Thị Hà Trang, 2014, tr. 11). Giai đoạn 2016 - 2020, số lượng tàu đánh bắt hải sản đã tăng 19 phương tiện trong tổng 350 phương tiện, với khoảng 3.000 lao động. Tuy vậy, từ năm 2021, số lượng tàu đã giảm dần, đến đầu năm 2024 chỉ còn 196 phương tiện. Hết năm 2023, cơ cấu lao động nghề cá chỉ còn 1.540 người, chiếm khoảng 12,88% tổng số lao động của xã; công nghiệp và xây dựng chiếm 26,9%; thương mại và dịch vụ chiếm 51,22%; xuất khẩu lao động chiếm 7,3% (UBND xã Ngư Lộc, 2024). Rõ ràng, trong cộng đồng cư dân xã Ngư Lộc, sự chuyển đổi từ ngư nghiệp sang nghề khác đã và đang diễn ra.

Trước đây, ngư dân xã Ngư Lộc thường đánh bắt gần bờ do hạn chế về công nghệ, quy mô tàu thuyền và thường dựa vào kinh nghiệm truyền thống, sự hiểu biết về dòng hải lưu, thời tiết để tìm kiếm các loài cá nhỏ ven bờ. Phương thức đánh bắt bằng thủ công với các hình thức như gõ vây (7 - 8 thuyền giăng lưới quây đàn hải sản, rồi dùng gậy đập xuống nước để vây bắt, dùng lưới gõ sợi gai), câu (dùng cần câu với lưới câu rà, lưới câu vặt), *te hót* (dùng lưới *séo*, *reó* để hót hải sản), phương tiện đánh bắt là các thuyền tre đan, thuyền đan lá nhỏ, bè, mảng..., do vậy thường dùng chèo tay. Những năm 1975 - 1988, hợp tác xã (HTX) nghề cá nơi đây phát triển, 87 phương tiện đánh bắt bằng sức máy đầu tiên xuất hiện với công suất từ 12 - 33 mã lực, tạo ra giai đoạn đánh bắt đạt hiệu suất và doanh thu cao, điển hình như HTX thôn Thắng Tây. Ngư dân học được nghề khơi mới thành chủ lực như kéo lưới tôm, kéo cá đáy, giã moi. Những năm 1990 - 1996, xã có 8 HTX với 90 thuyền lớn (loại 7 tấn), 27 thuyền gắn máy 33 CV, 28 thuyền gắn máy 12 CV, tất cả đều chuyển sang dùng lưới ni-lông thay cho lưới sợi gai.

Đặc biệt là năm 1993, Trung tâm Khuyến nông quốc gia (TTKNQG) đã hỗ trợ ngư dân tiếp cận các công nghệ hiện đại để khai thác, bảo quản thủy sản, tạo ra những thay đổi lớn cho ngư dân về việc dùng máy thu lưới, tời thủy lực, giúp giảm sức lao động của con người; máy dò sonar giúp dò tìm và xác định luồng, loại hải sản; các thiết bị định vị vệ tinh giúp thay thế việc xác định vùng đánh bắt bằng cách “ước chừng” truyền thống; công nghệ liên lạc hiện đại như bộ đàm, giúp ngư dân kết nối với nhau khi đi đánh bắt; hệ thống đài thông tin duyên hải giúp ngư dân cập nhật thông tin dự báo thời tiết, chủ động phòng chống bão và thiên tai để bảo vệ tính mạng thuyền trưởng và thuyền viên, làm giảm nguy cơ ngư dân tử nạn do thiên tai khi đi đánh bắt². Công suất máy lớn giúp ngư dân chủ động đưa tàu kịp quay về bờ hoặc tìm nơi trú ẩn trước khi thời tiết xấu xảy ra. Ngư dân còn ứng dụng thành công các ngư cụ mới như lưới rê hỗn hợp, lưới vây cá ngừ, câu cá ngừ đại dương. Công nghệ bảo quản tiên tiến như đá vảy, bảo ôn Polyurethane (PU), hầm cấp đông trên tàu đã giúp duy trì, cải thiện chất

² Con bão năm 1931 đã làm thiệt mạng 344 ngư dân xã Ngư Lộc.

lượng sản phẩm sau đánh bắt, có thể bảo quản hải sản 7 - 10 ngày phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Song, đây lại là giai đoạn HTX sản xuất trì trệ, phân tán, làm ăn thua lỗ xảy ra ở 7/8 HTX cho dù xã Ngư Lộc được đầu tư thêm 33 thuyền, gồm 18 thuyền có công suất 40 - 90 CV, 5 tàu đánh bắt xa bờ hiện đại, mỗi tàu trị giá hơn một tỷ đồng (Trịnh Thị Lan, 2002, tr. 11). Nguyên nhân là do khu vực đánh bắt truyền thống bị khai thác quá tải với khoảng 450 thuyền lớn loại 5 - 7 tấn, 160 mảng. Từ năm 1997, HTX giải thể, thay thế bằng cơ chế hộ ngư dân tự chủ.

Tuy nhận được hỗ trợ từ Nhà nước theo Quyết định 393/1997/QĐ-TTg về vay vốn tín dụng để đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt xa bờ, nhưng với ngư dân xã Ngư Lộc những năm đầu khi hộ ngư dân tự chủ, tư duy vay vốn để phát triển nghề còn hạn chế, đa phần họ chưa dám mạnh dạn đầu tư để vươn khơi mà chỉ đánh bắt ở vùng lộng (cách bờ 3 - 5km) và vùng khơi *dở lộng* (cách bờ khoảng 7km). Các hình thức đánh bắt chủ yếu là *giã kéo*, *câu*, *séo*, sử dụng sức kéo của tời thủy lực, sức máy với khoảng 456 tàu cá nhân có công suất dưới 90CV và khoảng 4.000 ngư dân tham gia đánh bắt. Việc tập trung vào đánh bắt ở những vùng này cùng với nhiều hoạt động đánh bắt trái phép như sử dụng xung điện tuy mang lại sản lượng lớn hơn và thu nhập cao hơn cho ngư dân nhưng càng khiến cho ngư trường truyền thống bị ô nhiễm nặng hơn, nguồn lợi hải sản trở nên cạn kiệt (Phạm Thị Hà Xuyên, 2016, tr. 16, 34-35). Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu về sản lượng, một số ngư dân dần tích lũy và vay vốn nâng cấp, chuyển đổi tàu để vươn khơi đánh bắt, song việc chuyển đổi phương thức cho từng loại hình sản xuất còn mang tính tự phát, chưa rõ nét (Nguyễn Thị Thắm, 2007). Tuy vậy, việc nâng cấp tàu trong giai đoạn này là vấn đề khó khăn về vốn để ngư dân vươn khơi ngày càng nhiều hơn ở giai đoạn sau.

Thực tế cho thấy, việc hiện đại hóa đánh bắt hải sản của ngư dân xã Ngư Lộc luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước qua thực thi một số chính sách phát triển nghề thủy sản và hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ như Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 39/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ chi phí nhiên liệu, bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm thuyền viên, cung cấp thiết bị thông tin liên lạc, khắc phục hậu quả cho tàu và thuyền viên gặp sự cố ở vùng biển nước ngoài. Bên cạnh đó, nhờ Dự án của TTKNQG về “Phát triển ngành thủy sản, giúp ngư dân vươn khơi bám biển giai đoạn 2011 - 2013” và “Xây dựng mô hình hiện đại hóa tàu cá đánh bắt hải sản xa bờ giai đoạn 2014 - 2016” với tổng kinh phí 27 tỷ đồng, ngư dân xã Ngư Lộc được tiếp cận với các thiết bị hiện đại, giúp cho sản lượng đánh bắt tăng 150 - 200%. Giai đoạn 2016 - 2020, toàn xã có 350 phương tiện đánh bắt hải sản (166 phương tiện khai thác vùng khơi, 184 phương tiện khai thác vùng lộng), với tổng công suất 78.818 CV, tổng sản lượng thủy sản khai thác của xã đạt 15.870 tấn, tăng khoảng 1,5 lần so với kỳ trước, có 3.580 lao động nam tham gia khai thác trên biển được vay vốn để vươn khơi, số vốn mỗi gia đình đầu tư sắm tàu và ngư cụ mới có giá trị 300 triệu đến hơn 3 tỷ đồng (Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2014; UBND xã Ngư Lộc, 2021). Hơn nữa,

Nghị định số 67/2014/NĐ-CP còn tạo sự thuận lợi cho một số ngư dân vay vốn đóng 7 tàu công suất lớn trên 800 CV (3 tàu gỗ, 4 tàu sắt), có trị giá 12 - 20 tỷ đồng với mức hỗ trợ vay vốn lên tới 95%, trợ giá xăng dầu và tiền bảo hiểm thân tàu đến 70% trong hai năm đầu tiên. Các phương thức đánh bắt được ngư dân tập trung áp dụng từ đó đến nay là *te hót* (vùng lộng), *giã xích* (cả vùng lộng và vùng khơi) và *câu mảnh* (vùng khơi) có sử dụng công nghệ chiếu sáng bằng bóng đèn để thu hút con mồi. Các phương thức này đều dùng tàu máy có công suất từ 90 CV đến 829 CV. Song, việc số lượng lớn ngư dân cả nước cùng đánh bắt xa bờ đã dẫn đến khai thác quá mức, gây cạn kiệt nguồn tài nguyên, tạo ra sự cạnh tranh cao trong khai thác hải sản, đặc biệt là những vi phạm về địa phận, vùng đánh bắt. Từ đây, số lượng tàu đánh bắt đã giảm mạnh trong năm 2020 đến 2024, từ 365 tàu xuống 196 tàu, trong đó tàu được phép đánh bắt vùng khơi chỉ còn 114 tàu, chỉ 3 tàu đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP đánh bắt còn đạt hiệu suất tốt, lực lượng đánh bắt năm 2024 chỉ còn 1.540 người, giảm 50% so với năm 2020.

Qua khảo sát, mặt tích cực của hiện đại hóa thể hiện ở việc các kiến thức về luật biển và các vùng đánh bắt của ngư dân được nâng cao. Theo những ngư dân có nhiều năm kinh nghiệm đi biển ở xã Ngư Lộc, trước đây họ chỉ đánh bắt ở các khu vực quen thuộc như Hòn Bò, Lạch Mom (Hoàng Hóa), Lạch Trường, Lạch Sung, Đông Ba (Hậu Lộc) và vùng lộng các xã ven biển thuộc các tỉnh Thái Bình, Nghệ An, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh. Các khu vực đánh bắt này được xác định bằng kinh nghiệm lấy các rặng núi để ước chừng rồi đúc kết thành những tri thức đánh bắt chung được truyền miệng từ đời này qua đời khác. Song, từ khi vươn khơi, ngư dân đã nắm được những kiến thức chung nhất về hải phận được phép đánh bắt theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Luật Biển Việt Nam 2012, Luật Thủy sản năm 2017 và các quy định quốc tế. Các vùng đánh bắt vùng khơi hiện nay phổ biến với họ ở phía Bắc là Vịnh Bắc Bộ, ngoài khơi các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định; phía Nam là vùng khơi các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang. Khi đến những ngư trường mới, ngư dân dần tích cực hơn trong việc tích lũy các kinh nghiệm, kỹ năng đánh bắt mới, đồng thời họ cũng tạo dựng cho mình một mạng lưới xã hội rộng hơn để tiêu thụ sản phẩm. Nhìn chung, quá trình hiện đại hóa này đã giúp nâng cao sản lượng đánh bắt và thu nhập ổn định cho một bộ phận ngư dân, mang lại nhận thức mới về tư duy phát triển nghề đánh bắt, ngư trường và giao thương liên vùng. Tuy vậy, hiện đại hóa cũng gây ra một số ảnh hưởng đến văn hóa của cộng đồng ngư dân nơi đây.

2. Ảnh hưởng của hiện đại hóa đánh bắt hải sản tới đời sống văn hóa ngư dân

2.1. Thay đổi nhận thức về thế giới quan

Với phương thức mưu sinh là khai thác hải sản từ biển, ngư dân coi đây là nghề có tính may rủi và tiềm ẩn nhiều nguy hiểm. Để yên tâm hơn khi tham gia đánh bắt, họ đặt niềm tin vào hệ thống thần linh có thể bảo vệ, phù trợ cho họ, đồng thời xây dựng những tri thức về

ngghi lễ, kiêng kỵ liên quan. Các yếu tố này tạo nên những đặc trưng văn hóa tinh thần của cộng đồng, được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Song, những năm gần đây, hiện đại hóa đánh bắt đã phần nào làm thay đổi nhận thức của họ về thế giới thần linh. Qua phỏng vấn tại điểm nghiên cứu, nhiều ý kiến cho rằng, với những ngư dân hiện đang đánh bắt gần bờ biển, việc duy trì niềm tin tâm linh vẫn khá rõ nét, bởi họ thường xuyên được tham dự các hoạt động liên quan đến tín ngưỡng của cộng đồng và thực hành một số tri thức đánh bắt truyền thống như lịch con nước, kinh nghiệm về vùng đánh bắt, cách thức đánh bắt cổ truyền ít gây hại cho môi trường biển. Trái lại, với những ngư dân đánh bắt xa bờ, sự kết nối của họ với các buổi sinh hoạt văn hóa cộng đồng đã giảm khi họ vừa ít có điều kiện thực hành tâm linh vừa không sử dụng tri thức địa phương vào hoạt động sản xuất. Anh Hoàng Văn P. (ngư dân thôn Thắng Phúc, xã Ngư Lộc) chia sẻ: *“Chúng tôi đi đánh bắt vùng khơi liên tục 10 ngày đến cả tháng, vì thế ít tham gia lễ hội ở quê hương. Những kinh nghiệm đánh bắt truyền thống không phù hợp ở vùng khơi, do đây là những ngư trường mới, nên chúng tôi cần tích lũy kinh nghiệm mới. Muốn đánh bắt có hiệu quả thì phải có nhiều máy móc, ngư cụ cải tiến phù hợp và tương thích với nhau, chứ không phải chỉ dựa vào cầu cúng hay kiêng kỵ”*.

Bên cạnh đó, hiện đại hóa còn tạo ra khác biệt về tư duy khi ngư dân đối diện với thiên tai trong quá trình đi đánh bắt. Thay vì bị động và phụ thuộc vào tự nhiên cùng với sự che chở của thần linh, ngư dân đã chuyển sang thế chủ động bằng cách lên kế hoạch và theo dõi dự báo thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng, internet trước khi ra khơi. Khi ở ngoài khơi, họ chủ động nắm bắt kịp thời các thông tin về thời tiết xấu qua Đài Thông tin duyên hải để nhanh chóng có phương án quay về đất liền hoặc tìm nơi trú ẩn an toàn. Vì thế, hiện nay các tri thức dân gian về đoán định thời tiết hầu như không được ngư dân ưu tiên sử dụng như trước kia. Một ngư dân cho biết: *“Chúng tôi đi đánh bắt xa bờ ở những vùng biển cách đất liền trên 30 hải lý, do đó theo dõi dự báo thời tiết trên đài là nhanh chóng và chính xác hơn cả. Và lại, nếu thời tiết xấu thì trên đài sẽ phát cảnh báo liên tục giúp chúng tôi có thể nắm bắt tình hình thời tiết rất kịp thời, tàu có công suất lớn nên có thể đưa chúng tôi về bờ nhanh chóng hơn”* (PVS. ngư dân Nguyễn Đ. P, 49 tuổi, thôn Nam Vượng, xã Ngư Lộc). Có thể nói, hiện đại hóa đã nâng cao nhận thức của ngư dân về phòng chống thiên tai và thế giới quan, giúp bảo vệ được tính mạng của thuyền trưởng và thuyền viên. Điều này cho thấy, tư duy của cộng đồng ngư dân nơi đây dường như đã trở nên duy lý hơn, họ biết trau dồi và đổi mới nhận thức cho phù hợp với tình hình sản xuất mới.

Có những trường hợp ngư dân trải qua sự thay đổi nhận thức tâm linh do những khó khăn và thất bại, đặc biệt là khi hoạt động đánh bắt xa bờ. Các yếu tố như nợ nần, phá sản, bỏ nghề khai thác thủy sản và chuyển đổi sang ngành nghề khác làm ảnh hưởng đến việc thực hành tín ngưỡng của họ: *“Đã 5 năm rồi, ở xã không có tàu đóng mới nữa, vì đánh bắt không hiệu quả. Những người chủ tàu làm ăn thua lỗ hiện giờ một là đi làm công, hai là chuyển đi nơi khác để làm ăn kiếm tiền trả nợ, có khi cả năm không về quê thì họ cũng không tham gia*

thường xuyên các lễ hội của quê hương được” (PVS. ngư dân Vũ V.Đ, 51 tuổi, thôn Thành Lập, xã Ngư Lộc). Sự thất bại kéo dài, khó khăn tài chính đã khiến tình trạng bấp bênh trong cuộc sống và ly hương, tạo ra những thay đổi để thích nghi với môi trường, trong đó có sự suy giảm niềm tin vào thực hành tâm linh, khi mà những nghi lễ này không mang lại kết quả như mong đợi: *“Các gia đình nhà nghề là chủ tàu ở đây vẫn làm đầy đủ các lễ theo tục lệ nhưng đi đánh bắt vẫn thua lỗ nên ngư dân dần không còn quá tin vào sự giúp đỡ của thần linh nữa”* (PVS. Nguyễn T.H, Nữ, 48 tuổi, thôn Thắng Lộc xã Ngư Lộc).

Qua đây cho thấy, ngư dân đã nhận thấy các vấn đề như: thiếu kinh nghiệm, vốn, điều kiện ngư trường không thuận lợi, nguồn hải sản cạn kiệt..., là nguyên nhân thực tế dẫn đến đánh bắt không hiệu quả, chứ không phải do sự phù trợ của thần linh. Thực trạng này phản ánh sự chuyển đổi nhận thức từ niềm tin mơ hồ vào hệ thống thần linh sang cách nhìn nhận, đánh giá các yếu tố thực tế một cách khách quan và khoa học hơn.

2.2. Thay đổi sự cố kết cộng đồng

Văn hóa đóng vai trò tạo cảm giác "thuộc về" của con người bởi nó vừa phản ánh mối quan hệ của con người với môi trường sống vừa là một phần thiết yếu hình thành nên bản sắc cá nhân, nhưng nếu thiếu sự tương tác giữa cá nhân với văn hóa thì cảm giác này sẽ dần bị phai nhạt. Ở cộng đồng ngư dân ven biển, việc đánh bắt vùng khơi dài ngày đã tạo ra rào cản đáng kể đối với khả năng tham gia vào các hoạt động văn hóa của ngư dân, làm giảm sự kết nối của họ với cộng đồng và các phong tục truyền thống. Cụ thể ở cộng đồng ngư dân xã Ngư Lộc, khi các hoạt động tín ngưỡng như Lễ hội cầu ngư, ngày giỗ các vị thần biển diễn ra đều đặn hàng năm, thu hút đông đảo cư dân và ngư dân tham gia, nhưng chỉ những ngư dân thực hiện đánh bắt gần bờ mới có điều kiện góp mặt, còn những ngư dân đánh bắt xa bờ thì rất khó tham dự bởi họ thường phải di chuyển đến những vùng đánh bắt mới trong khoảng 10 - 15 ngày đối với tàu *giã xích* và 1 tháng đối với tàu *câu màn*. Do đó, họ dường như không thể quay về kịp để góp mặt vào các hoạt động văn hóa tâm linh của cộng đồng. Việc không tham dự thường xuyên sẽ khiến niềm tin và nhận thức của họ về tầm quan trọng các hoạt động văn hóa bị suy giảm.

Đó là chưa kể tới việc đánh bắt xa bờ luôn tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm sự gắn bó, hỗ trợ nhau trong nội cộng đồng ngư dân xã Ngư Lộc, khi mà cách thức hợp tác đánh bắt đã có sự thay đổi từ nội cộng đồng sang liên cộng đồng. Đi đánh bắt vùng khơi đã thúc đẩy sự hợp tác giữa các ngư dân từ nhiều vùng miền, hình thành những “tổ đoàn kết trên biển” mới. Chẳng hạn, tổ đánh bắt của anh Nguyễn Văn X. ở thôn Thắng Phúc được thành lập không chỉ bởi những ngư dân cùng huyện Hậu Lộc, mà cả ngư dân ở các huyện Sầm Sơn, Hoằng Hóa (tỉnh Thanh Hóa) và những nơi khác thuộc tỉnh Nghệ An. Hợp tác này khả thi là do các thành viên có phương tiện khai thác giống nhau - đều là tàu có từ Dự án 67, tạo sự thuận lợi cho việc trao đổi vị trí đánh bắt và cách đánh bắt. Tuy vậy, anh Nguyễn Văn X. cũng đánh giá rằng, sự cố kết ở tổ đội mới này không thực sự chặt chẽ, do có sự khác biệt về vùng miền, văn hóa, thói quen..., tức không giống như sự cố kết bền chặt chỉ gồm những thành viên cùng quê mà anh từng tham

gia trước kia. Dù đây là một bước tiến trong hợp tác, thể hiện sự phát triển của hoạt động sinh kế mới nhưng cũng phản ánh sự phân tán trong mối quan hệ cộng đồng, có thể tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững của toàn bộ cộng đồng ngư dân cùng địa phương.

Như đã đề cập, việc áp dụng công nghệ hiện đại trong đánh bắt khiến ngư dân ở Ngư Lộc phải thay đổi để theo kịp và thích nghi với nhu cầu phương thức mới. Hệ quả là cạn kiệt tài nguyên hải sản cả vùng lõng lẫn vùng khơi, gây ra cạnh tranh để tồn tại, làm cho một bộ phận ngư dân vi phạm quy định về vùng đánh bắt. Gần đây, thay vì phát triển, nhiều ngư dân xã Ngư Lộc khó có thể tồn tại với nghề, số tàu đánh bắt đã giảm gần 50% trong vòng 5 năm. Qua phỏng vấn được biết phần lớn lực lượng này sau khi bỏ nghề đã rời khỏi cộng đồng để tìm nguồn sinh kế mới hoặc đi đến một số vùng ven biển khác có thể mang lại thu nhập cao hơn để *đi ngang*³ như Hải Phòng, Quảng Ninh,... Điều đó dẫn đến tan rã nhiều nhóm ngư dân đã từng là tổ đội sản xuất có thâm niên của cộng đồng. Nhìn chung, sự thiếu hụt lao động ngư nghiệp tại địa phương đã khiến cộng đồng ngư dân dần trở nên nhỏ đi, gây ra mối lo ngại trong việc tìm kiếm thế hệ kế cận để trao truyền các kinh nghiệm đánh bắt bằng kỹ thuật truyền thống, cùng chia sẻ tri thức văn hóa ngư nghiệp, gây nguy cơ đứt gãy các giá trị hồn cốt văn hóa ngư dân vùng biển.

2.3. Thay đổi kỹ năng, phương pháp đánh bắt, hệ thống giao thương

Quá trình hiện đại hóa đã dẫn đến sự chuyển đổi cách thức đánh bắt của ngư dân, từ việc dựa vào tri thức truyền thống sang sử dụng công nghệ hiện đại. Trước đây, khi hiện đại hóa sản xuất chưa phát triển, nguồn hải sản ở ven biển xã Ngư Lộc rất dồi dào, ngư dân nơi đây thuộc lòng tri thức về mùa sinh sản cũng như tính sinh sản của hải sản, luôn có ý thức bảo vệ nguồn lợi này. Từ khi hiện đại hóa đánh bắt, các tri thức truyền thống không còn được sử dụng đúng cách, xuất hiện tình trạng khai thác quá mức, thậm chí đánh bắt tận diệt, khiến nguồn tài nguyên này cạn kiệt dần, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Theo một số người dân, vào mùa sinh sản của hải sản, ngư dân đã không bảo tồn tài nguyên biển bằng cách nghỉ ngơi để nguồn hải sản tái tạo mà vẫn giữ nguyên tần suất đánh bắt. Chưa kể tới những ngư dân giàu kinh nghiệm về ngư trường truyền thống đã sử dụng tri thức về xác định luồng hải sản, thời gian sinh sản và đặc tính sinh sống của các loại hải sản để áp dụng vào việc khai thác số lượng lớn hơn các loại hải sản như mực trứng, bẹ bẹ trứng, cá trứng..., bởi những loại này có thể cho giá thành cao hơn. Một bộ phận ngư dân còn lợi dụng các phương tiện hiện đại như lưới điện, mìn..., để đánh bắt trái quy định. Vấn nạn này đã xảy ra nhiều năm nhưng chưa được giải quyết triệt để cho dù có sự truyền truyền của chính quyền địa phương.

Nguyên nhân khiến ngư dân đánh bắt thiếu bền vững là do mong muốn đáp ứng nhu cầu về sản lượng ngày càng cao của xã hội và giải quyết áp lực về kinh tế. Vì thế, phần lớn ngư dân ở xã Ngư Lộc phải vay vốn để hiện đại hóa sản xuất, dẫn đến nợ tín dụng (năm 2023, toàn

³ *Đi ngang* là hình thức đi làm thuê cho chủ tàu, những người này được gọi là “người đi phân ngang”/“bạn đi ngang”.

xã nợ Ngân hàng hơn 600 tỷ đồng) (UBND xã Ngư Lộc, 2023), chưa tính đến các khoản vay từ người thân, bạn bè không tính lãi và tín dụng đen với lãi suất rất cao. Vốn vay chủ yếu đầu tư vào đóng tàu lớn, mua sắm ngư cụ hiện đại, sửa đồ nghề sau mỗi chuyến đánh bắt. Đây là gánh nặng kinh tế rất khó tháo gỡ đối với cộng đồng ngư dân nơi đây, do việc khai thác ngày càng khó khăn. Tình trạng này đặt ra một thách thức trong đảm bảo tính bền vững hoạt động ngư nghiệp của ngư dân xã Ngư Lộc - nơi mà nghề đánh bắt hải sản gắn bó mật thiết với đời sống và văn hóa địa phương. Do đó, việc bảo vệ nguồn lợi hải sản ngày càng trở nên cấp thiết để duy trì bền vững sinh thái và bảo tồn các giá trị văn hóa ngư nghiệp của cộng đồng.

Hiện đại hóa đánh bắt hải sản có thể làm giảm thiểu kiến thức, kinh nghiệm truyền thống, bởi những năm gần đây, tính bấp bênh trong hoạt động sinh kế này đã khiến cho lực lượng lao động ngành đánh bắt ở địa phương giảm đi, ngày càng ít thanh niên theo nghề, dẫn đến hẫng hụt thế hệ kế cận. Anh Lê H. ở thôn Bắc Thọ cho biết: *“Hiện nay tìm người “đi ngang” khá khó, thế hệ trẻ hiện giờ cũng không còn theo nghề nữa, con cái tôi cũng không theo vì nghề biển khó nhọc. Người ta đi làm thuê ở nơi khác hoặc đi xuất khẩu lao động để có thu nhập cao hơn, nên cho dù chúng tôi đang là một trong số những người sống được với nghề nhưng cũng lo lắng mai sau không biết truyền lại kinh nghiệm cho ai”*. Trăn trở của anh H. hoàn toàn có cơ sở vì các tri thức đánh bắt hải sản tồn tại được là nhờ trao truyền qua các thế hệ, kể cả khi hiện đại hóa dẫn đến tích lũy những kinh nghiệm mới về đánh bắt vùng khơi thì việc có một thế hệ để trao truyền, tiếp nối nghề là cần thiết. Ngoài các tri thức dân gian trong đánh bắt, những nghi lễ, kiêng kỵ liên quan cũng tồn tại lâu dài hơn khi được thực hành bởi chính đội ngũ ngư dân, nếu thiếu hụt lực lượng lao động kế cận có thể sẽ gây ra gián đoạn việc tiếp nối văn hóa truyền thống.

Ở khía cạnh văn hóa vật chất, thay đổi trong ẩm thực cũng chịu tác động từ hiện đại hóa đánh bắt hải sản, phản ánh sự thích nghi của ngư dân với ẩm thực trong bối cảnh mới. Đối với hoạt động đánh bắt gần bờ, trước đây, theo truyền thống, khi đi đánh bắt vào ban đêm, đàn ông thường mang cơm nắm mo nang với mắm, cá khô và uống nước lã (Phạm Thị Hà Xuyên, 2016, tr. 24). Hiện nay, họ thường ăn cơm ở nhà, khi ra biển chỉ mang theo đồ ăn tiện lợi như mì tôm, bánh quy, bánh ngọt, sữa tươi để ăn đêm và bữa sáng hôm sau đến khi chuyến đánh bắt kết thúc. Với những tàu đánh bắt xa bờ, thực phẩm như gạo, mì tôm, đồ khô được ưu tiên. Nếu mang đồ ăn tươi từ đất liền, ngư dân sẽ tận dụng hầm bảo quản hải sản để bảo quản, vì thế, thiếu hụt lương thực khi tham gia đánh bắt dài ngày trên biển hiếm khi xảy ra. Khi hết lương thực, họ có thể ghé vào bất kỳ vùng đất liền gần nhất hoặc đảo để mua thêm. Đặc biệt, khi thiếu lương thực, các tàu bạn thuộc cùng tổ sản xuất sẽ giúp đỡ.

Hiện đại hóa trong ngành đánh bắt hải sản đã đóng vai trò quan trọng cho việc thay đổi tư duy kinh doanh và văn hóa mưu sinh, thể hiện tính thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của thị trường và nhu cầu tiêu thụ hải sản ngày càng cao của xã hội. Việc trang bị tàu thuyền và ngư cụ hiện đại giúp ngư dân không chỉ nâng cao hiệu quả khai thác mà còn

mở rộng phạm vi hoạt động trên biển. Nếu trước đây ngư dân chỉ đánh bắt và tiêu thụ hải sản ở ngay tại địa phương thì hiện nay, việc đánh bắt xa bờ đã tạo cơ hội cho họ được tiếp cận với thị trường tiêu thụ rộng lớn tại nhiều tỉnh thành ven biển nước ta. Qua đó, giúp ngư dân thiết lập được mạng lưới giao thương mới, tạo điều kiện cho việc tiêu thụ hải sản ở những khu vực có nhu cầu cao hơn. Tuy vậy, hệ thống giao thương, trao đổi mua bán mới này cũng khó tránh khỏi tình trạng cạnh tranh trên thị trường, bởi thực tế vẫn luôn xảy ra những rủi ro về việc bị lừa gạt tiền hàng, ép giá,... Do đó, rất cần sự vào cuộc của các ban ngành chức năng, nhằm đưa ra những giải pháp thiết thực trong bối cảnh hiện đại hóa với sự cạnh tranh ngày càng cao.

Kết luận và kiến nghị giải pháp

Hiện đại hóa đánh bắt hải sản đã có tác động sâu rộng đến đời sống của ngư dân xã Ngư Lộc ở cả hai phương diện tích cực và hạn chế. Về tích cực, hiện đại hóa mang lại nhiều lợi ích thực tế như thay đổi tư duy sản xuất nhỏ nội vùng sang tư duy sản xuất lớn liên vùng, mở ra khả năng tiếp cận ngư trường mới, cải thiện điều kiện làm việc, giảm sức lao động của con người, tăng sản lượng đánh bắt, tăng thu nhập, tạo ra điều kiện giao thương ở những khu vực mới rộng lớn. Về hạn chế, hiện đại hóa gây ra cạn kiệt nguồn hải sản, đe dọa biến đổi hệ sinh thái, làm suy giảm thực hành văn hóa truyền thống và sự cố kết cộng đồng, làm giảm thiểu lực lượng lao động theo nghề, khiến cho địa phương đứng trước nguy cơ thiếu hụt thể hệ lao động kế cận để trao truyền kinh nghiệm cũng như vốn tri thức địa phương trong đánh bắt hải sản. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới việc bảo tồn văn hóa tại địa phương. Để cân bằng giữa yếu tố hiện đại hóa ngành nghề và bảo tồn văn hóa địa phương, một số kiến nghị mang tính giải pháp có thể đề cập như sau:

- *Một là*, cần nâng cao tuyên truyền nhận thức của ngư dân về việc bảo tồn văn hóa. Một trong những hoạt động thực tế và hữu ích là đưa các yếu tố văn hóa và giá trị truyền thống vào các chương trình tập huấn nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ hệ sinh thái, thực hành đánh bắt có trách nhiệm, lồng ghép các nội dung về tri thức đánh bắt truyền thống không gây hại môi trường; giới thiệu các hoạt động văn hóa của địa phương (phong tục, nghi lễ liên quan đến đánh bắt, câu chuyện về văn hóa biển, tôn vinh những giá trị gắn kết cộng đồng ngư dân,...). Các hoạt động tập huấn nên thực hiện có kế hoạch cụ thể song vẫn có tính linh hoạt để thuận lợi cho việc đánh bắt của ngư dân, đảm bảo số người tham gia nhiều nhất (ví dụ vào dịp thời tiết xấu, các kỳ nghỉ lễ tết khi họ trở về quê hương,...).

- *Hai là*, đối với ngư dân đánh bắt ở vùng lộng, xã Ngư Lộc có thể phát triển du lịch văn hóa gắn với hoạt động đánh bắt truyền thống. Đây sẽ là cơ hội để ngư dân giới thiệu văn hóa của họ, đồng thời tạo ra nguồn thu nhập bổ sung. Du lịch văn hóa gắn với trải nghiệm đánh bắt hải sản có thể bao gồm các hoạt động như tham quan cụm di tích tâm linh Nghè Diêm Phó - nơi thờ các vị thần biển của xã, trải nghiệm lễ hội cầu ngư, tham gia hoạt động đánh bắt

truyền thống như câu mực, thưởng thức ẩm thực tại địa phương và tìm hiểu cuộc sống của cộng đồng ngư dân.

- *Ba là*, chính quyền địa phương cần quan tâm hơn đến việc xây dựng cộng đồng ngư dân vững mạnh, trên tinh thần đề biển gần hơn với con người và đào tạo con người giữ biển. Chính quyền cần quan tâm nhiều hơn đến vấn đề suy giảm lực lượng lao động nghề cá, nắm bắt tình hình kết hợp nghiên cứu, đề xuất phương án để các cấp, ban ngành có giải pháp giúp ngư dân tiếp tục gắn bó với nghề. Về văn hóa, cần khuyến khích ngư dân tham gia cả trực tiếp và gián tiếp các hoạt động văn hóa địa phương để giúp họ kết nối với quê hương, góp phần duy trì, bảo tồn văn hóa biển trong bối cảnh hiện đại hóa. Chính quyền có thể cân nhắc xuất bản cuốn cẩm nang đa diện về văn hóa, kinh nghiệm đánh bắt và phát triển bền vững cho ngư dân. Cuốn cẩm nang này có thể được biên soạn từ tư liệu đã được sưu tầm về kinh nghiệm đánh bắt truyền thống, hiện đại, các đặc điểm văn hóa của cộng đồng ngư dân, các kiến thức về luật biển và ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên nhằm nâng cao ý thức của họ trong việc giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa và thúc đẩy ngư nghiệp bền vững cho địa phương.

- *Bốn là*, Việt Nam đang đặt mục tiêu trở thành quốc gia có ngành thủy sản phát triển bền vững, hiện đại vào năm 2050 theo Quy hoạch Bảo vệ và Khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, Quyết định số 389/QĐ-TTg, ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Chính sách chỉ rõ các mục tiêu cụ thể như bảo tồn đa dạng sinh học biển và hệ thống sông ngòi nội địa, bảo vệ an sinh xã hội và chủ quyền quốc gia với kế hoạch thành lập 27 khu bảo tồn biển, quy hoạch 149 khu vực biển và 19 khu vực nội địa để bảo vệ tài nguyên, loài thủy sinh non; cả nước sẽ giảm số tàu cá và tập trung phục hồi tài nguyên thủy sản, đồng thời liên kết bảo tồn biển với du lịch sinh thái và phát triển kinh tế biển. Đến năm 2030, khoảng 80% tàu cá ven biển, ngoài khơi dự kiến sẽ tham gia vào các chuỗi sản xuất (Chu Khôi, 2024). Do đó, các ban ngành ở địa phương ven biển cần quan tâm, đón nhận và triển khai có hiệu quả chính sách này, nhằm điều chỉnh quá trình hiện đại hóa đánh bắt hải sản, phục hồi lực lượng lao động đã rời bỏ nghề, đặc biệt là giảm thiểu các tác động tiêu cực đến các vùng đánh bắt, cách thức đánh bắt, hệ sinh thái cũng như việc bảo tồn các yếu tố văn hóa truyền thống.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị An (2017), “Thích ứng với biển của người Việt - nhìn từ khía cạnh sinh kế và tín ngưỡng thờ thần Biển của cư dân ven biển” (Khảo sát từ một số cộng đồng ngư dân ven biển Bắc Trung Bộ, Việt Nam), trong Vũ Quang Dũng: *Văn hóa biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa dân gian*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Xây dựng mô hình hiện đại hóa đội tàu cá đánh bắt hải sản xa bờ*, trên trang: <https://dangcongsan.vn/kinh-te/xay-dung-mo-hinh-hien-dai-hoa-doi-tau-ca-danh-bat-hai-san-xa-bo-260218.html> (Truy cập ngày 14/10/2024).

3. Charles Roberquain (2012), *Tỉnh Thanh Hóa* (bản dịch), Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.

4. Fujita, R., Cusack, C., Karasik, R., Takade-Heumacher, H., & Baker, C. (2018), *Technologies for improving fisheries monitoring*, Environmental Defense Fund, San Francisco, https://www.edf.org/sites/default/files/oceans/Technologies_for_Improving_Fisheries_Monitoring.pdf.
5. Chu Khôi (2024), *Vietnam targets sustainable and modern fisheries*, trên trang: <https://vneconomy.vn/vietnam-targets-sustainable-and-modern-fisheries.htm> (Truy cập ngày 14/10/2024).
6. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Hậu Lộc (Thanh Hóa) (1990), *Địa chí Hậu Lộc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Trịnh Thị Lan (2002), *Làng nghề cá biển xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*, Đề tài tiềm năng năm 2002, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
8. Lorenzi, R. M. & Chuenpagdee, R. (2020), “Technological entropy and its implications to fisheries governability”, *Science of The Total Environment*, <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2020.137973>.
9. Squires, D. & Vestergaard, N. (2013), “Technical change in fisheries”, *Marine Policy*, 42, pp. 286-292, <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2013.03.019>.
10. Nguyễn Thị Thắm (2007), *Huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa: Các chỉ tiêu đánh bắt hải sản của xã Ngư Lộc đều tăng*, trên trang: <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhopquochoi> (Truy cập ngày 14/10/2024).
11. Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Lê Thị Hà Trang (2014), *Tìm hiểu làng Diêm Phố tại xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*, Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Ủy ban nhân dân xã Ngư Lộc (2021), *Báo cáo nhiệm vụ hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Ngư Lộc nhiệm kỳ 2016 - 2020, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 - 2025*.
14. Ủy ban nhân dân xã Ngư Lộc (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023; Phương hướng thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*.
15. Ủy ban nhân dân xã Ngư Lộc (2024), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2024; Phương hướng thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024*.
16. Phạm Thị Hà Xuyên (2016), *Tri thức dân gian trong đánh bắt hải sản hiện nay của cư dân xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*, Luận văn thạc sĩ Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.